

**Trục đai răng**  
**ELGA-TB-RF-80-**  
Số bộ phận: 1371246

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                      | Giá trị                                                                                                                                      |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đường kính hiệu quả của bánh răng truyền động | 39.79 mm                                                                                                                                     |
| Hành trình làm việc                           | 50 mm...7000 mm                                                                                                                              |
| Kích thước                                    | 80                                                                                                                                           |
| Bước đai răng                                 | 5 mm                                                                                                                                         |
| Vị trí lắp đặt                                | bất kì                                                                                                                                       |
| Dẫn hướng                                     | Dẫn hướng con lăn                                                                                                                            |
| Cấu trúc xây dựng                             | Trục tuyến tính cơ điện<br>với dây đai răng                                                                                                  |
| Loại động cơ                                  | Động cơ servo                                                                                                                                |
| Nguyên tắc đo Hệ thống đo quãng đường         | Tương đối                                                                                                                                    |
| Tăng tốc tối đa                               | 50 m/s <sup>2</sup>                                                                                                                          |
| Tốc độ tối đa                                 | 10 m/s                                                                                                                                       |
| Độ chính xác lặp lại                          | ±0,08 mm                                                                                                                                     |
| Thời gian bật                                 | 100%                                                                                                                                         |
| Tuân thủ LABS                                 | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                           |
| Phù hợp với thực phẩm                         | xem thông tin tài liệu bổ xung                                                                                                               |
| Mức độ bảo vệ                                 | IP40                                                                                                                                         |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                | -10 °C...60 °C                                                                                                                               |
| Nạp liệu không đổi                            | 125 mm/vòng                                                                                                                                  |
| Độ võng động (Tải trọng di chuyển)            | 0,05% chiều dài của trục, tối đa 0,5 mm                                                                                                      |
| Độ võng tĩnh (tải ở trạng thái dừng)          | 0,1% chiều dài của trục                                                                                                                      |
| Hồ sơ vật liệu                                | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                                                                                                   |
| Ghi chú vật liệu                              | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                |
| Chất liệu của băng che                        | thép cao cấp không gỉ                                                                                                                        |
| Vật liệu nắp truyền động                      | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                                                                                                   |
| Vật liệu thanh dẫn hướng                      | Thép                                                                                                                                         |
| Ròng rọc vật liệu                             | thép hợp kim cao không gỉ                                                                                                                    |
| Vật liệu các ổ trượt                          | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                                                                                                   |
| Chất liệu của thân kẹp đai răng               | Khuôn đúc bằng thép không gỉ                                                                                                                 |
| Vật liệu đai răng                             | Polyurethane với dây thép và vỏ nylon<br>Polyurethane với dây thép<br>Cao su Polychloroprene hoặc nitrile (NBR) có dây thủy tinh và vỏ nylon |